TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NẬM PỒ** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2023/HS-ST
Ngày: 30-01-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NẬM PỒ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Sao

C*ác Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Vàng A Hý

2. Ông Khoàng Văn Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lò Văn Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Tiến Khôi - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 28/2022/TLST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2022/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 01 năm 2022, đối với bị cáo:

Họ và tên: Giàng Thị D, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1973 tại huyện S tỉnh Lào Cai; Nơi cư trú: Bản H, xã C, huyện N, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Nông nghiệp; Trình độ học vấn: Không; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Giàng A P (đã chết) và bà Giàng Thị C1; Bị cáo có chồng là Vàng A D1 và 05 người con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Bị cáo chưa bị kết án, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo bị bắt tạm giam kể từ ngày 16/8/2022 cho đến nay, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo*: Bà Lê Thị Xuân, sinh năm 1955, là Luật sư thực hiện Trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên, có mặt.

- *Nguyên đơn dân sự*: Ủy ban nhân dân xã C, huyện Nậm Pồ; Người đại diện theo pháp luật: Ông Lèng Văn V, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C, vắng mặt.

- *Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

+ Ông Sùng A L, sinh năm 1984; Bà Giàng Thị D2, sinh năm 1986; Ông Mùa A C, sinh năm 1983; Bà Sùng Thị L, sinh năm 1997; cùng địa chỉ: Bản T1, xã T, huyện N, tỉnh Điện Biên, đều vắng mặt.

+ Bà Hờ Thị D3, sinh năm 1990; Ông Giàng A S, sinh năm 1987; cùng địa

chỉ: Bản Mốc 4, xã T, huyện N, tỉnh Điện Biên, đều vắng mặt.

+ Cộng đồng dân cư bản H, xã C, huyện N, tỉnh Điện Biên; Người đại diện theo pháp luật: Ông Giàng A Chớ, chức vụ: Trưởng bản; địa chỉ: Bản H, xã C, huyện N, tỉnh Điện Biên, vắng mặt.

- *Người được Tòa án triệu tập*:

+ Ông Lò Văn C1 - Phó Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm huyện N, vắng mặt.

+ Ông Lò Văn K, Kiểm lâm địa bàn xã C, Hạt Kiểm lâm huyện N, vắng mặt.

- *Người phiên dịch cho bị cáo Giàng Thị D*: Ông Hồ A D2, sinh năm 1984; địa chỉ: Bản H, xã K, huyện N, tỉnh Điện Biên, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do muốn có đất canh tác nên vào cuối tháng 12 năm 2021 (bị cáo không nhớ cụ thể ngày), Giàng Thị D đã thuê 06 người gồm: Sùng A L, Giàng Thị D, Mùa A C, Sùng Thị L ở cùng bản T1, xã T, huyện N, tỉnh Điện Biên và Hờ Thị D, Giàng A S ở cùng bản Mốc 4, xã T phát rừng làm nương với giá 4.000.000 đồng. Giàng Thị D dẫn 06 người trên đến khu vực rừng thuộc bản H, xã C, huyện N, tỉnh Điện Biên, chỉ vị trí, diện tích cần chặt phá và nói đó là nương cũ của gia đình bị cáo. Sau đó, 06 người trên mỗi người sử dụng 01 con dao quắm chặt phá toàn bộ độ che phủ của các cây nứa có kích thước, chiều dài khác nhau liên tục trong 03 ngày thì xong. Sau khi phát xong, L đã đến nhà D nhận số tiền công cho 06 người là 4.000.000 đồng. Đến ngày 29/3/2022, tổ công tác của UBND xã C và Kiểm lâm địa bàn, trong quá trình tuần tra khu vực rừng thuộc bản H, xã C, đã phát hiện đám rừng bị Giàng Thị D thuê người chặt phá có diện tích lớn, cùng ngày UBND xã C đã ra quyết định đình chỉ hành vi phá rừng trái pháp luật, yêu cầu D giữ nguyên hiện trường. Ngày 30/3/2022, Hạt kiểm lâm huyện N phối hợp với các cơ quan chức năng tiến hành khám nghiệm hiện trường.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 30/3/2022 (có bản ảnh kèm theo) đã xác định: Tổng diện tích rừng bị Giàng Thị D thuê những người nêu trên chặt phá là 12.950 m^2 (mười hai nghìn chín trăm năm mươi mét vuông), mức độ thiệt hại 100%. Toàn bộ diện tích rừng bị chặt phá là trồng nứa với tổng số cây là 6.786 cây (gồm số cây nứa có đường kính dưới 07 cm là 5.517 cây; số cây nứa có đường kính từ 07 cm trở lên là 1.269 cây).

Tại kết luận định giá tài sản số 34/KL-HĐĐGTS, ngày 27/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N, 6.786 cây nứa bị chặt phá trị giá 13.825.800 (mười ba triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn tám trăm đồng) thiệt hại về dịch vụ môi trường rừng là 1.322.195 (một triệu ba trăm hai mươi hai nghìn một trăm chín mươi lăm đồng), tổng giá trị thiệt hại là 15.147.995 (mười lăm triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn chín trăm chín mươi lăm) đồng; không xác định được thiệt hại đối với môi trường rừng.

Tại Kết luận Giám định số 08/KL-GĐ, ngày 02/8/2022 của Giám định viên tư pháp thuộc Chi cục Kiểm lâm tỉnh Điện Biên, đã kết luận: Vị trí diện tích 12.950 m^2

có cây nứa tự nhiên bị chặt phá trái pháp luật thuộc tiểu khu 440, khoảnh 12 lô đ thuộc bản H, xã C, huyện N, tỉnh Điện Biên là rừng tự nhiên được quy hoạch là rừng phòng hộ, trạng thái Rừng Nứa tự nhiên núi đất (ký hiệu NUA) theo Quyết định số 1208/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của UBND tỉnh Điện Biên về phê duyệt dự án, Rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Điện Biên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Căn cứ Kế hoạch số 388/KH-UBND, ngày 20/02/2013 của UBND tỉnh Điện Biên về rà soát, hoàn chỉnh thủ tục để giao đất, giao rừng, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp giai đoạn 2013 – 2015 trên địa bàn tỉnh Điện Biên, thì diện tích rừng bị phá đã được giao cho cộng đồng dân cư bản H, xã C, huyện N, tỉnh Điện Biên quản lý, bảo vệ và đang được hưởng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng theo Quyết định số 2121/QĐ-UBND, ngày 23/10/2015 của UBND huyện N, tỉnh Điện Biên.

Tại bản Cáo trạng số 81/CT-VKSNP ngày 14/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên đã truy tố bị cáo Giàng Thị D về tội Hủy hoại rừng theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 243 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ quyền công tố và kiểm sát xét xử luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Giàng Thị D về tội Hủy hoại rừng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 3 Điều 243, điểm b, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Giàng Thị D từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù; đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn án phí hình sự, dân sự sơ thẩm cho bị cáo. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị: Tịch thu tiêu hủy 06 con dao quắm. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 589 của Bộ luật dân sự, buộc bị cáo phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Nhà nước số tiền 15.147.995 đồng, bị cáo đã bồi thường được 6.000.000 đồng, còn phải tiếp tục bồi thường 9.147.995 đồng.

Người bào chữa cho bị cáo nhất trí với luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng đối với bị cáo. Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh và nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1 Điều 51, đề nghị áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo Giàng Thị D nhất trí với luận cứ của người bào chữa, không tranh luận gì, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp: Căn cứ vào diện tích rừng mà bị cáo Giàng Thị D đã thuê người chặt phá, số tiền bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho Nhà nước và nhận thức pháp luật của bị cáo, Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm là có căn cứ nên vẫn giữ nguyên quan điểm.

Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự có đơn xin xét xử vắng mặt, trong quá trình điều tra có ý kiến như sau: Hành vi vi phạm pháp luật

của bị cáo là rõ ràng, thiếu ý thức chấp hành pháp luật, gây thiệt hại cho Nhà nước nên yêu cầu bị cáo bồi thường toàn bộ thiệt hại.

Tại phiên tòa, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt, nhưng trong quá trình điều tra Sùng A L, Giàng Thị D, Mùa A C, Sùng Thị L, Hờ Thị D, Giàng A S có lời khai như sau: Vào khoảng tháng 12/2021 Giàng Thị D đã thuê L đi phát nương với giá 4.000.000 đồng, L đồng ý và đã tìm thêm 05 người khác là D2, C, L, D3, S mỗi người sử dụng 01 con dao quắm đến khu vực rừng nứa tại bản H, xã C, huyện N, tỉnh Điện Biên để phát rừng. Trước khi chặt phá rừng, Dung đã nói với 06 người là khu vực rừng chặt phá là nương của Dung và chỉ vị trí, diện tích để chặt phá. Do 06 người này sinh sống tại xã khác nên không biết khu vực chặt phá là rừng phòng hộ. Những người này chặt phá rừng liên tục trong 03 ngày thì xong và đã nhận đủ tiền công của bị cáo là 4.000.000 đồng, đã chia nhau chi tiêu hết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh và điều luật Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố đối với bị cáo:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Giàng Thị D đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như sau: Vào cuối tháng 12 năm 2021, bị cáo Giàng Thị D thuê 06 người là Sùng A L, Giàng Thị D2, Mùa A C, Sùng Thị L, Hờ Thị D3 và Giàng A S chặt phá rừng nứa tại bản H, xã C, huyện N, tỉnh Điện Biên với giá 4.000.000 đồng. Bị cáo trực tiếp dẫn 06 người trên đến khu vực rừng nứa và chỉ vị trí, diện tích rừng thuê chặt phá. Sau đó, L, D2, C, L, D3 và S sử dụng 06 con dao quắm chặt phá trong 03 ngày liên tục thì xong khu vực rừng. Vị trí rừng mà D đã thuê người chặt phá là tiểu khu 440, khoảnh 12, lô đ, quy hoạch rừng phòng hộ, theo Quyết định số 1208/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của UBND tỉnh Điện Biên, thuộc bản H, xã C, huyện N, tỉnh Điện Biên. Diện tích rừng này đã được UBND huyện N, tỉnh Điện Biên giao cho Cộng đồng dân cư bản H, xã C, huyện N quản lý, bảo vệ theo Quyết định số 2121/QĐ-UBND, ngày 23/10/2015. Tổng diện tích rừng nứa bị chặt phá là 12.950 m^2, mức độ thiệt hại là 100%, gồm 6.786 cây nứa có chiều cao kích thước khác nhau. Mục đích bị cáo thuê người chặt phá rừng là để lấy đất làm nương trồng lúa, gây thiệt hại về rừng là 15.147.995 đồng. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng thu giữ, kết luận giám định, kết luận định giá và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ.

Do đó, đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Giàng Thị D phạm tội Hủy hoại rừng theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 243 của Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tại điểm c khoản 3 Điều 243 của Bộ luật hình sự quy định: *"1. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:...*

c) Rừng phòng hộ có diện tích 10.000 mét vuông (m^2) trở lên;"

[2] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội rất lớn, xâm phạm đến chính sách quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo làm ảnh hưởng đến môi trường rừng, là nguyên nhân dẫn đến thiên tai và biến đổi khí hậu, gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước. Bản thân bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội một phần là do bị cáo thiếu ý thức chấp hành pháp luật, một phần là do xuất phát từ tập quán canh tác lạc hậu của đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện. Do đó, cần phải áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giữ vững kỷ cương của pháp luật và làm gương răn đe, giáo dục trong Nhân dân.

[3] Về nhân thân: Bị cáo Giàng Thị D là người dân tộc thiểu số, xuất thân trong gia đình nông dân lao động, vì muốn có đất để canh tác nên đã thuê người chặt phá rừng. Tuy nhiên, ngoài lần phạm tội này bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tại giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo luôn thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, tại giai đoạn điều tra bị cáo đã tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại về rừng là 6.000.000 đồng cho Nhà nước. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát: Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo Giàng Thị D từ 07 năm 06 tháng tù đến 08 năm tù. Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, đã bồi thường được một phần thiệt hại cho Nhà nước, bản thân bị cáo là phụ nữ, là người dân tộc thiểu số không biết tiếng Việt, không biết chữ, nhận thức pháp luật hạn chế, diện tích rừng bị cáo thuê người chặt phá là 12.950 m^2 gần mức đầu khoản 3 Điều 243 của Bộ luật hình sự, nên Hội đồng xét xử quyết định xử phạt bị cáo mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo, đồng thời thể hiện sự khoan hồng của Nhà nước nên không chấp nhận đề nghị xử phạt của Viện kiểm sát. Đối với các đề nghị khác là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 243 của Bộ luật Hình sự thì *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm*", do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy, bị cáo có nghề nghiệp chính là làm nông nghiệp, thu nhập thấp, gia đình ngoài đồ dùng sinh hoạt không có tài sản giá trị nên bị cáo không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung là phạt tiền. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về vật chứng của vụ án: Đối với 06 con dao quắm là công cụ chặt phá rừng do 06 người liên quan là Sùng A L, Giàng Thị D2, Mùa A C, Sùng Thị L, Hờ

Thị D3, Giàng A S tự giác giao nộp cho Hạt Kiểm lâm huyện N để xử lý. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự quyết định tịch thu tiêu hủy 06 con dao quắm này.

Đối với các cây nứa bị Giàng Thị D chặt phá, cơ quan tố tụng giao Ủy ban nhân dân xã C quản lý, do địa hình rừng núi khó khăn không vận chuyển được, các cây nứa đã mục nát, không còn giá trị sử dụng, Viện kiểm sát không đề cập xử lý, Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 589 của Bộ luật dân sự, buộc bị cáo phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Nhà nước số tiền 15.147.995 đồng, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường được 6.000.000 đồng, bị cáo còn phải bồi thường 9.147.995 đồng.

[9] Xét đề nghị của người bào chữa: Người bào chữa cho bị cáo đề nghị áp dụng điểm c khoản 3 Điều 243, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Xét thấy, bị cáo nhận thức rõ việc phá rừng là vi phạm pháp luật và sẽ bị xử lý, bị cáo thừa nhận là hằng năm được các đoàn thể ở xã và ở bản tuyên truyền về việc cấm chặt phá rừng, bị cáo đã được hưởng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng mỗi năm, tại gần khu vực rừng mà bị cáo thuê người chặt phá đã có biển báo cấm chặt phá rừng. Hơn nữa bị cáo mới chỉ bồi thường chưa được ½ thiệt hại gây ra nên người bào chữa đề nghị áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự là không đủ cơ sở, nên không chấp nhận đề nghị của người bào chữa. Đối với các đề nghị khác là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là Sùng A L, Giàng Thị D, Mùa A C, Sùng Thị L, Hờ Thị D, Giàng A S và người đại diện cộng đồng dân cư bản H vắng mặt tại phiên tòa, quá trình điều tra đã có lời khai, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử vụ án. L, D2, C, L, D3, S là những người được bị cáo thuê phá nương vào cuối tháng 12/2021. Cơ quan điều tra đã xác minh làm rõ, 06 người này sinh sống tại địa bàn xã khác, phát rừng theo sự chỉ dẫn của bị cáo và được bị cáo cho biết đó là nương của bị cáo, nên những người này không biết vị trí phát là khu vực rừng và đã chi tiêu hết số tiền công 4.000.000 đồng, Viện kiểm sát không đặt vấn đề xử lý, Hội đồng xét xử không xem xét trách nhiệm.

[11] Đối với nguyên đơn dân sự là UBND xã C có đơn xin xét xử vắng mặt, tại giai đoạn điều tra đều đã có lời khai, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử vụ án. Nguyên đơn dân sự yêu cầu bị cáo phải bồi thường toàn bộ thiệt hại là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên và người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố

tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[13] Về án phí: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa và bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm cho bị cáo. Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, xét thấy bị cáo là dân tộc thiểu số (dân tộc Mông) sống tại xã C, huyện N là xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo.

[14] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 243, điểm b, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Giàng Thị D phạm tội Hủy hoại rừng.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Giàng Thị D 07 (bẩy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bị bắt tạm giam 16/8/2022.

3. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 589 của Bộ luật dân sự, buộc bị cáo Giàng Thị D phải bồi thường thiệt hại cho Nhà nước tổng số tiền 15.147.995 (mười lăm triệu một trăm bốn mươi bẩy nghìn chín trăm chín mươi lăm đồng), bị cáo đã bồi thường 6.000.000 (sáu triệu đồng), theo biên lai thu tiền số 0002836 ngày 25/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, bị cáo còn phải bồi thường 9.147.995 (chín triệu một trăm bốn mươi bẩy nghìn chín trăm chín mươi lăm đồng).

4. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự quyết định: Tịch thu tiêu hủy 06 con dao quắm có đặc điểm như sau: 01 con dao quắm có tổng chiều dài 102 cm, cán dao bằng gỗ dài 63,5 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 38,5 cm thu giữ của Sùng A L; 01 con dao quắm có tổng chiều dài 43 cm, cán dao bằng gỗ dài 03 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 40 cm thu giữ của Giàng Thị D; 01 con dao quắm bằng kim loại dài 39 cm, không có cán dao thu giữ của Mùa A C; 01 con dao quắm có tổng chiều dài 66 cm, cán dao bằng kim loại dài 20 cm, lưỡi dao bằng kim loại thu giữ của Sùng Thị L; 01 con dao quắm bằng kim loại dài 40,5 cm, không có cán dao thu giữ của Hờ Thị D; 01 con dao quắm có tổng chiều dài 86 cm, cán dao bằng gỗ dài 51 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 35 cm thu giữ của Giàng A S.

(Vật chứng được niêm phong như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 14/11/2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N và Chi cục thi hành án dân sự huyện N).

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo Giàng Thị D.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo có quyền kháng cáo bản án, nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến việc bồi thường thiệt hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 05/01/2023; trường hợp vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Nguyên đơn dân sự;
- Người có QLNVLQ;
- Người bào chữa;
- VKSND huyện N;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Phòng KTNV&THA - TAND tỉnh Điện Biên;
- Cơ quan CSĐT CA huyện N;
- Bộ phận HSNV CA huyện N;
- Cơ quan THAHS CA huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã C;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Lưu HS: VA, THAHS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Sao

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**